

Số:/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày tháng.....năm 2023

DỰ THẢO 1

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI KHÓA X KỲ HỌP THỨ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Báo cáo số/BC-HĐTĐ ngày ...thángnăm 2023 của Hội đồng thẩm định về kết quả thẩm định Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng ... năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị thông qua Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra của các ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, với những nội dung chính như sau::

I. PHẠM VI RANH GIỚI QUY HOẠCH

Phạm vi lập quy hoạch tỉnh Đồng Nai bao gồm toàn bộ tỉnh Đồng Nai với

tổng diện tích tự nhiên 5.863,62 km²; với 11 đơn vị hành chính, gồm: 02 thành phố (Biên Hòa và Long Khánh) và 09 huyện (Tân Phú, Định Quán, Vĩnh Cửu, Thống Nhất, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Long Thành, Nhơn Trạch).

Ranh giới tại tọa độ địa lý từ khoảng 10°30'00'' - 11°34'57'' độ Vĩ Bắc và 106°45'30'' - 107°35'00'' độ Kinh Đông. Phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận; phía Tây giáp tỉnh Bình Dương và TP.HCM; phía Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; phía Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng và Bình Phước.

II. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN; CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

a) Quy hoạch tỉnh Đồng Nai xác định lấy người dân làm trung tâm, phát huy quyền làm chủ của nhân dân; tăng năng suất, đổi mới sáng tạo hiệu quả; nâng cao chất lượng đời sống, môi trường và phúc lợi xã hội.

b) Phát triển có chọn lọc, hướng tới các ngành công nghiệp công nghệ cao; nông nghiệp hữu cơ, hiện đại; dịch vụ tổng hợp, trọng tâm du lịch và logistics.

c) Phát huy thế mạnh, tiềm năng, tập trung đầu tư các địa phương có tiềm năng và dư địa lớn cần khai thác; lấy Cảng hàng không quốc tế Long Thành và Sông Đồng Nai làm vùng động lực mới cho phát triển đột phá.

d) Đảm bảo tính khả thi, hiệu quả; phát triển chiến lược tuân thủ theo luật quy hoạch và phù hợp với năng lực của tỉnh, có sự phân công trách nhiệm thực hiện và lộ trình, giai đoạn rõ ràng.

đ) Hướng tới tương lai, đổi mới mô hình tăng trưởng, lấy kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn làm trọng tâm.

e) Phát triển bền vững, hài hòa kinh tế, văn hóa, xã hội đi kèm với củng cố quốc phòng – an ninh, bảo vệ môi trường và đối phó, thích ứng linh hoạt với biến đổi khí hậu.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Năm 2030, Đồng Nai là một nền kinh tế năng động, là động lực tăng trưởng, hạt nhân phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Đồng Nai sẽ đi đầu trong phát triển công nghiệp hiện đại; là trung tâm khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; là cửa ngõ trung chuyển của miền Nam lấy cảng hàng không quốc tế Long Thành làm hạt nhân.

Tỉnh sẽ phát triển hệ thống đô thị ven sông, đô thị sinh thái hiện đại, thông minh tạo ra môi trường sống lý tưởng và bền vững; các trung tâm giáo dục nghề nghiệp và y tế hàng đầu cả nước được triển khai một cách hiệu quả, là nơi phát triển nhân lực chất lượng cao.

Công tác quản lý chất thải, bảo vệ môi trường được thực hiện xuyên suốt, góp phần đảm bảo các mục tiêu về môi trường.

b) Mục tiêu cụ thể

- Về kinh tế

(1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) bình quân thời kỳ 2021-2030 khoảng 9,5%/năm. GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 khoảng 14.650 USD.

(2) Tốc độ tăng trưởng GRDP giai đoạn 2031-2050 đạt 6,5-7%

(3) Cơ cấu kinh tế (GRDP) đến năm 2030: Công nghiệp - xây dựng chiếm 59%; dịch vụ 29%; nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 6%; thuế sản phẩm (trừ trợ cấp sản phẩm) chiếm 6%.

(4) Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 đạt khoảng 72-73%, đến năm 2050 đạt khoảng 90%.

(5) Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP từ 15-30%.

(6) Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng năm 2030 đạt trên 60%.

- Về văn hoá-xã hội

(1) Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 40%.

(2) Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi dưới 15%; không chế tỉ lệ béo phì ở người trưởng thành dưới 10%. Chiều cao trung bình thanh niên 18 tuổi đối với nam đạt 168,5 cm, nữ 157,5 cm.

(3) Tuổi thọ trung bình khoảng 75 tuổi, số năm sống khỏe đạt tối thiểu 68 năm.

(4) Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế trên 95% dân số. Tỷ lệ chi trực tiếp từ tiền túi của hộ gia đình cho chăm sóc y tế giảm còn 30%.

(5) Duy trì 100% tỷ lệ xã đạt Tiêu chí quốc gia về Y tế và 100% tỷ lệ trạm y tế xã/ phường/ thị trấn có bác sỹ làm việc; 100% trạm y tế xã/ phường/ thị trấn đủ điều kiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế.

(6) Bảo đảm tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đạt 95% với 14 loại vắc xin. Giảm tỉ suất tử vong trẻ em: Dưới 5 tuổi còn dưới 10‰; dưới 1 tuổi còn dưới 5‰.

(7) Phấn đấu trên 95% dân số được quản lý sức khỏe; 100% trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm.

(8) Đạt 32 giường bệnh/vạn dân, 11 bác sỹ/vạn dân, 3,0 dược sỹ đại học/vạn dân, 33 điều dưỡng/vạn dân. Tỉ lệ giường bệnh tư nhân đạt trên 20%.

(9) Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế đạt trên 90%.

(10) Cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét

(11) Đến năm 2025, có 80% số trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, trong đó 100% số trường mầm non ở địa bàn các xã vùng nông thôn đạt chuẩn về cơ sở vật chất; đến năm 2030 có 90% số trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, duy trì 100%

số trường mầm non ở vùng nông thôn đạt chuẩn về cơ sở vật chất.

- Về tài nguyên và môi trường

(1) Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định ở mức 28%

(2) Diện tích đất nuôi trồng thủy sản ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ thân thiện môi trường đạt trên 40%; khoảng 20% cơ sở nuôi thủy sản thâm canh áp dụng công nghệ xử lý nước thải, chất thải trước khi thải ra môi trường, tăng khả năng phục hồi của hệ sinh thái tự nhiên.

(3) 100% cơ sở chăn nuôi, giết mổ, chế biến sản phẩm chăn nuôi đều phải có giải pháp kiểm soát môi trường theo quy định, bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường, sử dụng có hiệu quả nguồn chất thải cho nhu cầu trồng trọt, sản xuất năng lượng tái tạo, chăn nuôi côn trùng,...

(4) Giảm cường độ phát thải khí nhà kính từ sản xuất nông nghiệp/GDP nông nghiệp của tỉnh đến cuối năm 2025 xuống 20% so với năm 2020 và đến cuối năm 2030 xuống 10% so với năm 2025.

(5) Giảm cường độ phát thải trong lĩnh vực năng lượng: Tỉnh đặt mục tiêu giảm 7% - 10% tổng lượng phát thải khí nhà kính so với kịch bản phát triển thông thường trong lĩnh vực năng lượng thông qua việc đẩy mạnh thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong sản xuất và sử dụng năng lượng trong các phân ngành công nghiệp năng lượng; sản xuất công nghiệp và xây dựng; giao thông vận tải; gia dụng, nông nghiệp và dịch vụ thương mại.

- Về phát triển kết cấu hạ tầng

(1) Hoàn thành đầu tư khung hệ thống kết cấu hạ tầng: (i) Cảng Hàng không quốc tế Long Thành; (ii) Đường cao tốc Bến Lức – Long Thành, Biên Hòa – Vũng Tàu, Đường Vành Đai 4; (iii) Đường sắt Biên Hòa - Vũng Tàu; (iv) Hạ tầng số đủ năng lực thúc đẩy và nâng cao hiệu quả chuyển đổi số; (v) Hạ tầng đô thị cơ bản được đầu tư hiện đại và tổ chức tốt; (vi) Hạ tầng khoa học công nghệ và đào tạo phát triển, giúp hình thành một trung tâm đổi mới sáng tạo, giáo dục đào tạo nhằm cung cấp cho tỉnh nguồn nhân lực cũng như các sáng kiến đột phá.

(2) Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao 100%; có ít nhất 5 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 50% xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Về quốc phòng, an ninh

(1) Xây dựng tiềm lực, thế trận quốc phòng – an ninh nhân dân; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc; giữ vững và củng cố thế trận lòng dân, giữ vững an ninh chính trị.

(2) Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh toàn diện; nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu.

(3) Xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, đảm bảo cuộc sống bình yên, hạnh phúc cho Nhân dân.

3. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển

a) Các nhiệm vụ trọng tâm

(1) Tập trung phát triển kinh tế - xã hội và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tập trung hoàn thiện các dự án hạ tầng trọng điểm, chú trọng đào tạo nhân lực, cải cách hành chính. Thu hút các ngành công nghiệp có chọn lọc, các ngành dịch vụ tiên tiến, hiện đại hóa và nâng suất lao động thông qua giáo dục đào tạo và đổi mới sáng tạo. Đẩy nhanh quá trình cơ cấu lại các ngành kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng.

(2) Chú trọng phát triển hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, con người. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nâng cao điều kiện thụ hưởng văn hóa cho nhân dân, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

(3) Tăng cường tiềm lực quốc phòng – an ninh. Xây dựng "thế trận lòng dân" và lực lượng vũ trang cách mạng; nâng cao năng lực dự báo và tham mưu của cơ quan quân sự và công an; duy trì ổn định chính trị, bảo đảm an ninh chính trị và an toàn xã hội.

(4) Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Tập trung vào bảo vệ và cải thiện môi trường tự nhiên, giữ gìn các nguồn tài nguyên và đa dạng sinh học. Đồng thời, thực hiện phát triển bền vững, đảm bảo sự cân đối giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, gắn kết với ứng phó với biến đổi khí hậu và sự thích ứng với tác động của nó. Xây dựng các chính sách, quy định và các giải pháp thích hợp để đảm bảo sự phát triển bền vững của tỉnh Đồng Nai.

b) Các khâu đột phá chiến lược của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch

- *Đột phá 1:* Xây dựng nền công nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ công nghiệp hiện đại, đặt nền tảng cho các chuỗi giá trị công nghiệp chuyên sâu trên địa bàn tỉnh.

- *Đột phá 2:* Phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo, các tổ hợp giáo dục, đào tạo chuyên sâu cho vùng Đông Nam Bộ.

- *Đột phá 3:* Thiết lập các quần thể đô thị, dịch vụ giải trí sinh thái, tận dụng các điểm mạnh về tài nguyên thiên nhiên như sông, núi, và ven hồ.

- *Đột phá 4:* Xây dựng thành phố sân bay với lõi là Cảng HKQT Long Thành với hệ thống trung tâm logistics thông minh, đồng bộ, kết hợp tối ưu các hạ tầng vận tải, kho bãi hiện hữu trên địa bàn.

- *Đột phá 5:* Đẩy mạnh kết nối hạ tầng giao thông mang tính đột phá, với trọng tâm là xây dựng tuyến đường ven sông Đồng Nai và tận dụng hiệu quả quỹ đất hai bên tuyến đường ven sông.

4. Tầm nhìn đến năm 2050

Đồng Nai là thành phố trực thuộc trung ương, một trong các cực tăng trưởng quan trọng của Việt Nam, đi đầu trong phát triển công nghiệp tạo giá trị cao, đầu mối giao thương quốc tế và đô thị đẳng cấp, đáng sống, nơi tập trung trí thức và nhân tài, lấy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn là trọng tâm, hoàn thành mục tiêu phát thải trung tính “net-zero 2050”.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH QUAN TRỌNG; PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển ngành quan trọng

a) Ngành công nghiệp

Đồng Nai phát triển thành trung tâm công nghiệp, dịch vụ hỗ trợ công nghiệp của cả nước và khu vực, với các cấu phần chính gồm (i) Các khu công nghiệp chuyên ngành / khu công nghiệp công nghệ cao; (ii) Dịch vụ hỗ trợ công nghiệp đa dạng; (iii) Trung tâm R&D, science park; (iv) Trung tâm đào tạo, giáo dục nghề nghiệp và (v) Trung tâm đổi mới sáng tạo, vườn ươm khởi nghiệp, phát triển theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và đạt mục tiêu phát thải trung tính net-zero.

Với lợi thế sở hữu sân bay quốc tế lớn nhất Việt Nam, hệ thống giao thông kết nối đa phương thức đến nhiều vùng kinh tế và địa phương trong nước và quốc tế, cùng nền tảng công nghiệp phát triển mạnh mẽ, trong giai đoạn phát triển mới của ngành công nghiệp, Đồng Nai có thể chú trọng phát triển 3 nhóm sản phẩm mũi nhọn bao gồm: (1) công nghiệp hàng không; (2) thiết bị tự động hóa và (3) thiết bị công nghệ thông tin.

Các nhóm sản phẩm mũi nhọn sẽ được tạo lập và hỗ trợ bởi hệ sinh thái công nghiệp hiện đại, trong đó hạt nhân là 5 phân ngành chủ lực bao gồm: (i) Chế tạo máy và cơ khí chính xác; (ii) Điện, điện tử; (iii) Phương tiện vận tải; (iv) Hóa chất; (v) Sản xuất, chế biến thực phẩm.

b) Ngành dịch vụ

Đưa ngành dịch vụ trở thành mũi nhọn và động lực phát triển lớn của nền kinh tế. Phát triển đồng bộ, đa dạng, hiện đại, bền vững các ngành thương mại, dịch vụ tổng hợp, đặc biệt là các ngành có thế mạnh. Thúc đẩy ngành dịch vụ logistics, giáo dục và dịch vụ du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh.

Tăng cường liên kết với các tỉnh lân cận, kết nối liên vùng, quốc gia và quốc tế. Phát triển toàn diện hệ thống hạ tầng giao thông, thương mại, hệ thống vận tải kho bãi để trở thành trung tâm giao thương quan trọng của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Tận dụng Cảng hàng không quốc tế Long Thành và hệ thống cảng biển để đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa gắn với các khu công nghiệp, thương mại điện tử và dịch vụ vận chuyên hành khách. Phát triển nâng cao các ngành dịch vụ hỗ trợ nền kinh tế như dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, khoa học công nghệ, viễn thông và các dịch vụ khác.

c) Ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản

Phát triển nông nghiệp bền vững trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và tăng năng suất lao động, phát triển hài hòa giữa kinh tế với xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu. Cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và xây dựng nông thôn mới theo hướng hiện đại. Phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung, chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm. Tập trung phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông

ng nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với thị trường, công nghiệp chế biến sâu và dịch vụ nông nghiệp để nâng cao giá trị gia tăng.

Phát triển nông nghiệp sinh thái, phát triển nông thôn toàn diện, hiện đại gắn với quá trình đô thị hóa. Nâng cao thu nhập và đời sống dân cư, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực, thực phẩm trong tình hình mới, giảm nghèo bền vững, nâng cao vị thế của người dân nông thôn, củng cố và phát triển cộng đồng. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, xây dựng nông thôn xanh sạch, đẹp, đảm bảo an ninh với hệ thống cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội đồng bộ tiệm cận với khu vực đô thị. Hướng tới xây dựng nền nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh

2. Phương hướng phát triển các lĩnh vực xã hội

a) Giáo dục và đào tạo

Phát triển giáo dục đào tạo tỉnh Đồng Nai theo hướng đổi mới toàn diện, hiện đại, phù hợp với đặc điểm kinh tế xã hội của tỉnh, với chất lượng và hiệu quả, đáp ứng mục tiêu phát triển con giáo viên, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đồng thời, đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng cao của nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Từng bước nâng tầm giáo dục đào tạo của tỉnh ở vào nhóm các địa phương hàng đầu của cả nước về chất lượng giáo dục đào tạo, tiếp cận với trình độ quốc tế, tương xứng là tỉnh công nghiệp hóa trong thời gian tới.

b) Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân

Nâng cao sức khỏe cả về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống của người dân. Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế. Phát triển nền y học khoa học, dân tộc và đại chúng. Bảo đảm mọi người dân đều được quản lý, chăm sóc sức khỏe. Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế "Thầy thuốc phải như mẹ hiền", có năng lực chuyên môn vững vàng, tiếp cận trình độ quốc tế. Nâng cao năng lực cạnh tranh trong chuỗi sản xuất, cung ứng dược phẩm, dịch vụ y tế. Giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật và tử vong, nâng cao sức khỏe, tăng tuổi thọ, cải thiện chất lượng giống nòi, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

c) Khoa học, công nghệ

Phát triển hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại và hiệu quả nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường khoa học công nghệ, của doanh nghiệp, người dân và yêu cầu ngày càng cao về số lượng, cơ cấu, chất lượng của hoạt động nghiên cứu và ứng dụng, phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Đổi mới cơ chế hoạt động của tổ chức KH&CN theo hướng đẩy mạnh cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và bố trí kinh phí hoạt động thường xuyên trong dự toán nhiệm vụ KH&CN. Tăng cường liên kết giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp.

d) Văn hóa, thể thao

Xây dựng và phát triển tỉnh Đồng Nai trở thành trung tâm văn hóa, thể thao của Vùng Đông Nam Bộ. Tập trung xây dựng nền văn hóa và con người Đồng Nai phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học, mang nét đặc trưng của tỉnh Đồng Nai. Xây dựng, phát triển gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc, văn hóa, tiến bộ và phát triển bền vững.

Tiếp tục giữ vững vị trí là một trung tâm thể dục thể thao mạnh của cả nước. Phát triển sâu rộng phong trào thể dục thể thao; tập trung đầu tư phát triển thể thao thành tích cao có trọng tâm, trọng điểm. Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao trên địa bàn toàn tỉnh đồng bộ, hiện đại, đủ điều kiện tổ chức các hoạt động tại địa phương, quốc gia và quốc tế.

đ) An sinh xã hội

Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ của các cơ sở trợ giúp xã hội tiệm cận với các tỉnh, thành phố phát triển ở trong nước và khu vực; hướng tới mục tiêu phát triển xã hội công bằng, bền vững, hiệu quả. Đảm bảo cuộc sống cũng như phù hợp với các mức sống trong xã hội; huy động các cá nhân, tổ chức tích cực tham gia các hoạt động giúp đỡ.

e) Quốc phòng, an ninh

Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và an ninh. Phối hợp hoạt động giữa đối ngoại và quốc phòng, an ninh được thực hiện trong mối liên hệ giữa hội nhập quốc tế và giữ vững độc lập, tự chủ và giữ gìn chủ quyền và bản sắc văn hóa dân tộc. Ngăn chặn và đẩy lùi các tội phạm nguy hiểm và các tệ nạn xã hội, bảo đảm tốt trật tự an toàn xã hội.

3. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

a) Bố trí không gian các công trình, dự án quan trọng, các vùng bảo tồn đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh

Hệ thống các khu bảo tồn, vườn quốc gia thuộc rừng đặc dụng gồm: Vườn Quốc gia Cát Tiên và Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai.

b) Bố trí không gian triển khai các dự án cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh

- Các dự án đường bộ vành đai, cao tốc, quốc lộ hiện hữu, hoặc có kế hoạch đầu tư hoàn thành trong thời kỳ quy hoạch: vành đai 3, vành đai 4; các tuyến đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông (gồm cao tốc Phan Thiết – Dầu Giây, Dầu Giây – Long Thành, Long Thành – Bến Lức), cao tốc Dầu Giây – Liên Khương; cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu; cao tốc TP.HCM – Long Thành – Dầu Giây; các Quốc lộ 1, 20, 51, 13C

- Các dự án khu bến cảng biển Phước An, Gò Dầu, Phước Thái, Nhơn Trạch, Long Bình Tân

- Dự án đường sắt Biên Hòa – Vũng Tàu, đường sắt cao tốc Hồ Chí Minh –

Nha Trang, đường sắt nhẹ Thủ Thiêm – Sân bay Quốc tế Long Thành

- Cảng hàng không quốc tế Long Thành cấp 4F được xây dựng đầu tư tương xứng với chức năng cảng trung chuyển quốc tế, cửa ngõ quốc gia

c) Phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh; phát triển những khu vực có vai trò động lực

Tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội theo 03 vùng chức năng, bao gồm:

- Vùng phía Tây (vùng chức năng công nghiệp – dịch vụ – đô thị – đổi mới sáng tạo): Bao gồm toàn TP Biên Hòa, toàn huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, và một phần huyện Vĩnh Cửu, Thống Nhất, Cẩm Mỹ. Trong đó, hạt nhân phát triển chính là thành phố Biên Hòa và thành phố sân bay Long Thành. Lấy công nghiệp hiện đại, thương mại, dịch vụ chất lượng cao gắn với đô thị hóa quy mô lớn làm động lực chủ đạo; là khu vực tập trung phát triển các dịch vụ tài chính, logistics và các dịch vụ phục vụ cảng Hàng không Quốc tế Long Thành và hệ thống đô thị ven sông Đồng Nai.

- Vùng phía Đông (vùng động lực công - nông nghiệp – dịch vụ): Bao gồm toàn TP Long Khánh, huyện Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, huyện Thống Nhất (trừ xã Lộ 25) và một phần huyện Định Quán. Trong đó, lấy Long Khánh làm đô thị trung tâm. Đây là vùng phát triển nông nghiệp cùng đô thị hóa quy mô vừa và nhỏ; phát triển các ngành công nghiệp chuyên ngành, kết hợp với hình thành dần các trung tâm dịch vụ, thương mại.

- Vùng phía Bắc (vùng động lực nông nghiệp – du lịch – sinh thái): Bao gồm phần còn lại của huyện Vĩnh Cửu, huyện Định Quán và toàn huyện Tân Phú. Lấy bảo tồn, phát triển các giá trị sinh thái đặc trưng bản địa, gắn với đô thị hóa quy mô nhỏ làm động lực chủ đạo. Đây cũng là vùng chăn nuôi chính của tỉnh và vùng chuyên canh các cây công nghiệp lâu năm, động lực để phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

d) Phương án tổ chức liên kết không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh, cơ chế phối hợp tổ chức phát triển không gian liên huyện

Xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng mạng lưới đường giao thông, kết nối mạng lưới viễn thông, cơ sở hạ tầng truyền phát điện, năng lượng là những giải pháp cơ bản để tổ chức liên kết không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh.

Phương án liên kết không gian của tỉnh Đồng Nai được xây dựng trên cơ sở mạng lưới giao thông chính như sau:

- Các trục liên kết theo hướng Bắc – Nam và Tây Bắc – Đông Nam (liên kết dọc)

- Các trục liên kết theo hướng Đông – Tây (liên kết ngang)

IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ KHU VỰC NÔNG THÔN

1. Định hướng sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

a) Quan điểm điều chỉnh, sắp xếp đơn vị hành chính

- Đến năm 2025: Thực hiện sắp xếp đối với các ĐVHC cấp huyện, cấp xã có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% quy định; ĐVHC cấp huyện đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 200% quy định; ĐVHC cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

- Đến năm 2030: Thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã còn lại có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% quy định; ĐVHC cấp huyện đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 200% quy định; ĐVHC cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số của ĐVHC thực hiện theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

Đối chiếu với quan điểm chỉ đạo trên của Thủ tướng Chính phủ, trong giai đoạn 2021-2025 tỉnh Đồng Nai không cần thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã. Tuy nhiên, đối chiếu với tiêu chuẩn đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã theo quy định, đề xuất quan điểm điều chỉnh, sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã của tỉnh giai đoạn đến năm 2030 như sau:

*** Đối với đơn vị hành chính cấp huyện**

- Thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định cấp huyện trong giai đoạn từ nay đến năm 2030.

- Với những huyện đủ điều kiện để nâng cấp lên thị xã cần thực hiện việc nâng cấp trước năm 2025. Những huyện chưa đủ điều kiện cần xây dựng lộ trình để thực hiện việc nâng cấp trước năm 2030.

- Nghiên cứu mở rộng quỹ đất để phát triển thành phố Biên Hòa.

*** Đối với đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn**

- Thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định cấp xã trong giai đoạn từ nay đến năm 2025. Đến năm 2030, hoàn tất việc điều chỉnh địa giới hành chính đối với những đơn vị hành chính cấp xã không đảm bảo tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch và lộ trình sát nhập các xã, phường, thị trấn không đáp ứng các tiêu chuẩn của đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn theo quy định.

b) Mục tiêu điều chỉnh địa giới hành chính

*** Đối với đơn vị hành chính cấp huyện**

- *Giai đoạn 2021-2025*: Đảm bảo số lượng đơn vị hành chính cấp huyện như hiện nay là 11 huyện, thành phố. Đến năm 2030, thực hiện việc điều chỉnh đơn vị hành chính cấp huyện theo quy định của pháp luật và theo định hướng phát triển của địa phương. Trước năm 2025, hoàn thành việc nâng cấp đô thị đối với những

huyện đảm bảo đủ điều kiện để lên đô thị từ loại IV.

- *Giai đoạn 2026-2030*: Nghiên cứu sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện nếu còn thiếu các tiêu chuẩn so với quy định. Đồng thời, đến năm 2030, hoàn thành việc nâng cấp đô thị đối với những đô thị còn lại đủ điều kiện.

*** Đối với đơn vị hành chính cấp xã**

- *Giai đoạn 2021-2025*: Với yêu cầu Chính phủ đề ra để thực hiện việc sắp xếp đối với các ĐVHC cấp xã có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% quy định; ĐVHC cấp huyện đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 200% quy định; ĐVHC cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% quy định, thì tỉnh Đồng Nai không cần sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trong giai đoạn này. Trước năm 2025, hoàn thành việc nâng cấp đô thị đối với những thị trấn, trung tâm cụm xã đảm bảo đủ điều kiện để lên đô thị từ loại V và xây dựng kế hoạch điều chỉnh đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2026-2030.

- *Giai đoạn 2026-2030*: Hoàn thành tối đa 100% việc sát nhập, điều chỉnh đơn vị hành chính những xã không đạt tiêu chí theo quy định. Đến năm 2030, hoàn thành việc nâng cấp đô thị đối với những đơn vị đủ điều kiện.

(Chi tiết tại Phụ lục I)

2. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị

Đến năm 2030, Đồng Nai 23 đô thị, bao gồm 01 đô thị loại I (thành phố Biên Hòa); 02 đô thị loại II (thành phố Long Khánh và đô thị Nhơn Trạch); 02 đô thị loại III (Trảng Bom và Long Thành); 06 đô thị loại IV và 12 đô thị loại V.

Hệ thống đô thị đóng vai trò tiên phong trong tích tụ và phát triển kinh tế - xã hội tỉnh; cung cấp dịch vụ, hạ tầng và chất lượng sống, năng lực ứng phó biến đổi khí hậu. Phát triển không gian đô thị đồng bộ với các định hướng phát triển của vùng Đông Nam Bộ, tăng cường kết nối vùng, đặc biệt kết nối hạ tầng giao thông (đường bộ, đường sắt, tuyến Metro 1 kết nối thành phố Hồ Chí Minh với sân bay Long Thành, đường thủy, hệ thống cầu kết nối với các địa phương lân cận, nhất là thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu.)

(Chi tiết tại Phụ lục II)

3. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

Phát triển các khu dân cư nông thôn theo mô hình xã, huyện nông thôn mới nâng cao, nông thôn kiểu mẫu, gắn với hệ thống giao thông liên huyện, liên xã. Phát triển gắn với vùng sản xuất, phù hợp phong tục tập quán, đặc điểm tự nhiên của từng vùng trong tỉnh trên cơ sở kế thừa từ các điểm dân cư hiện hữu, tiết kiệm và hạn chế làm mất đất canh tác, cải tạo chỉnh trang kết hợp xây dựng mới, bảo vệ môi trường bền vững. Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, xóa dần khoảng cách giữa thành thị với nông thôn.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương án phát triển hệ thống khu kinh tế

Hình thành khu kinh tế sân bay tại huyện Long Thành với vai trò hạt nhân của vùng phát triển động lực. Đây sẽ là khu vực tập trung thu hút các ngành động lực của tỉnh, có giá trị gia tăng cao, liên kết mật thiết đối với sự hình thành của sân bay quốc tế Long Thành. Các KCN mở mới/mở rộng trong khu kinh tế sân bay sẽ kết hợp thành 2 vùng thung lũng công nghệ và thung lũng hoá dược phẩm, thu hút các doanh nghiệp đầu ngành, tạo sức lan tỏa sang các khu vực trong vùng ngoài khu kinh tế sân bay.

2. Phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp

Đến năm 2030, Đồng Nai có 52 KCN với tổng diện tích đất là 18.543 ha phù hợp với nhu cầu đất KCN đã tính toán và quỹ đất được phê duyệt theo QĐ326/QĐ-TTg. Các KCN sẽ tạo động lực phát triển công nghiệp, tạo công ăn việc làm và hướng đến tạo lập một hệ sinh thái Công nghiệp hoàn chỉnh, hiện đại và đồng bộ.

(Chi tiết tại Phụ lục III)

3. Phương án phát triển cụm công nghiệp

Đến năm 2030, Đồng Nai quy hoạch 31 CCN với tổng diện tích đất là 1.862,09 ha. Trong đó, tiếp tục quy hoạch giai đoạn 2021-2030 đối với 21/27 CCN đã được quy hoạch giai đoạn 2013-2020 với tổng diện tích là 1.268,9 ha; rút khỏi quy hoạch 06/27 CCN trong quy hoạch hiện hữu với tổng diện tích là 278,7 ha. Đề xuất bổ sung mới 10 CCN, với tổng diện tích là 593,19 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục IV)

4. Phương án phát triển khu công nghệ cao

Đến năm 2030, hình thành và phát triển Khu công nghệ cao Đồng Nai với trọng tâm là lĩnh vực tiên tiến như công nghệ thông tin, điện tử, tự động hóa, công nghệ hàng không, công nghệ trí tuệ nhân tạo,...

Khu công nghệ cao Đồng Nai định hướng phát triển đa ngành với hạ tầng thông tin, khoa học và công nghệ hoàn chỉnh phục vụ nhu cầu phát triển. Các khu chức năng chính sẽ bao gồm (i) Khu trung tâm (quản lý – hành chính); (ii) Khu nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, ươm mầm doanh nghiệp và đào tạo nhân lực; (iii) Khu sản xuất công nghệ cao, (iv) Khu hậu cần, dịch vụ và logistics hiện đại và (v) Khu phụ trợ, công trình kỹ thuật đầu mối.

Xây dựng hạ tầng kết nối khu công nghệ cao với các KCN, CCN nhằm hình thành hệ sinh thái liên kết, hỗ trợ sản xuất, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số, khởi nghiệp sáng tạo,... góp phần hiện thực hóa các mục tiêu, định hướng của tỉnh.

5. Phương án phát triển khu nghiên cứu, đào tạo

Giai đoạn 2021-2025: Đẩy mạnh phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ, hình thành công viên Khoa học và Công nghệ kết nối với hạ tầng giao thông vùng

sân bay Quốc tế Long Thành. Nghiên cứu thành lập Trung tâm Robot công nghiệp tỉnh Đồng Nai đẩy mạnh công tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và các hoạt động đổi mới sáng tạo, đào tạo kỹ thuật, nghiên cứu phát triển trong lĩnh vực robot công nghiệp và tự động hoá.

Giai đoạn 2026-2030: Hình thành các tổ hợp giáo dục đào tạo và 03 trung tâm đổi mới sáng tạo chuyên về R&D đẳng cấp quốc tế nhằm phát triển nguồn nhân lực trình độ kỹ thuật cao với các chương trình giảng dạy hiện đại, thực tiễn đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp. Ngoài ra, trung tâm còn là nơi thử nghiệm và sản xuất, chế tạo, đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp, góp phần mở rộng chuỗi giá trị của các ngành, đặc biệt là các ngành công nghiệp quan trọng của tỉnh, thực tiễn phát huy thành công của các cơ sở R&D.

6. Phương án phát triển khu du lịch

- Khu vực hồ Trị An, tỉnh Đồng Nai: Cảnh quan hồ nước và các giá trị sinh thái lưu vực xung quanh hồ, rừng Mã Đà, VQG Cát Tiên.

- Các điểm du lịch trọng điểm: Vườn quốc gia Cát Tiên; Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai; Các điểm du lịch núi – thác – hồ; Du lịch trải nghiệm nông nghiệp; Du lịch mua sắm, vui chơi, giải trí

7. Phương án phát triển khu thể dục, thể thao

Đầu tư phát triển hệ thống công trình văn hóa và thể thao cấp tỉnh, huyện, xã để tạo điều kiện cho tổ chức sự kiện quốc gia và cải thiện hoạt động văn hóa, nghệ thuật, và thể thao bằng cách đầu tư vào cơ sở hạ tầng kỹ thuật, tài chính, nguồn nhân lực, và sự sáng tạo của cộng đồng dân cư.

Đảm bảo diện tích đất xây dựng Khu liên hợp thể dục thể thao, Trung tâm thể dục thể thao, Trung tâm thi đấu thể thao, Trường phổ thông năng khiếu Thể dục thể thao (khu tập luyện: Hồ bơi, nhà tập các môn võ, sân điền kinh, bóng chuyền, cầu lông, cầu mây, nhà tập bóng bàn, trường bắn,...), phòng học, thư viện, phòng máy vi tính, hội trường,...

8. Phương án phát triển các khu bảo tồn, khu vực cần được bảo tồn, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

Quy hoạch: (01) Vùng di tích - lịch sử Khu Bảo tồn thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai (huyện Vĩnh Cửu) trực thuộc UBND tỉnh quản lý. Khu này sẽ gồm danh thắng chiến khu Đ và 03 di tích lịch sử cấp quốc gia: Khu ủy miền Đông Nam bộ, Địa đạo Suối Linh, Căn cứ Trung ương cục Miền Nam và 02 di tích khảo cổ học cấp tỉnh: Di tích khảo cổ học Đồi Phòng Không và di tích khảo cổ học Suối Linh. Ngoài ra còn có một số thiết chế văn hóa tộc người bản địa khác.

9. Phương án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

- Vùng nông nghiệp đô thị phía Tây: Bao gồm thành phố Biên Hòa, các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom và một phần huyện Vĩnh Cửu. Đẩy mạnh phát triển các loại hình hoa cây cảnh, sinh vật cảnh, các mô hình nông nghiệp trong nhà, nông nghiệp trên tầng thượng, nông nghiệp ven đô, dịch vụ nông nghiệp,

mảng xanh đô thị tại các đô thị đã được quy hoạch hình thành.

- Vùng nông nghiệp hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao phía Đông: Bao gồm thành phố Long Khánh, các huyện Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Xuân Lộc. Ổn định và phát triển các vùng nông nghiệp hàng hóa tập trung đối với các cây trồng chủ lực, mở rộng diện tích ứng dụng công nghệ cao, diện tích được sản xuất và chứng nhận theo các quy chuẩn hữu cơ, GAP,... phát triển các mô hình nông nghiệp đô thị, nông nghiệp ven đô tại đô thị hạt nhân Long Khánh và các đô thị vệ tinh trong tiểu vùng. Bảo vệ và phát triển diện tích rừng phòng hộ kết hợp phát triển du lịch sinh thái, du lịch về nguồn; canh tác rừng sản xuất các loại cây gỗ lớn, giá trị kinh tế cao.

- Vùng nông nghiệp sinh thái – du lịch phía Bắc: Bao gồm huyện Định Quán, Tân Phú và một phần huyện Vĩnh Cửu. Bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng trồng và du lịch gắn với rừng. Hình thành và phát triển các vùng sản xuất tập trung cao su, hồ tiêu, cà phê, cây ăn quả đặc sản (sầu riêng, xoài, ...), rau các loại. Phát triển vùng chăn nuôi tập trung hình thức trang trại có quy mô lớn. Phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

10. Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn

a) Phương án phát triển các vùng động lực và các trục phát triển

Phân vùng Tây Bắc có vai trò động lực dẫn dắt phát triển kinh tế xã hội, là vùng có tầm ảnh hưởng cấp tỉnh và vượt ra ngoài tỉnh. Các phân vùng phía Đông và phía Bắc phát triển dựa trên các động lực nhỏ hơn, có tầm ảnh hưởng mang tính cục bộ hơn.

Dựa trên tính chất của các đô thị, tỉnh Đồng Nai sẽ phát triển theo mô hình đa cực với 3 cực kinh tế, có vai trò cấp tỉnh và ngoài tỉnh:

(1) Khu vực đô thị Biên Hòa: Tiềm năng phát triển các Đô thị dịch vụ – công nghiệp, đô thị đổi mới sáng tạo, đô thị quốc tế

(2) Khu vực đô thị Long Thành – Nhơn Trạch: Tiềm năng phát triển Đô thị dịch vụ – công nghiệp, đô thị hàng không và là đầu mối giao thương toàn vùng;

(3) Khu vực đô thị Long Khánh: Tiềm năng phát triển Đô thị sản xuất nông nghiệp và Đô thị du lịch sinh thái. Đô thị Dầu Giây – Long Khánh có vai trò là đầu mối liên kết giao thông – logistics cửa ngõ phía Đông của vùng Đông Nam Bộ.

b) Phương án phát triển vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn

Khai thác tiềm năng, lợi thế của các địa bàn, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống so với vùng phát triển; giảm dần địa bàn đặc biệt khó khăn; quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên vùng, kết nối với các vùng phát triển; cải thiện rõ rệt đời sống của nhân dân; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số;

xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu đi đôi với giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo an ninh biên giới quốc gia; củng cố tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

a) Về đường bộ

Bám sát các dự án phát triển mạng lưới đường bộ quốc gia trên địa bàn thực hiện theo quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, gồm: Cao tốc Bắc-Nam phía Đông (CT.01), Cao tốc Dầu Giây (Đồng Nai) - Liên Khương (Lâm Đồng), Cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, Cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây (Đồng Nai), Vành đai 3, Vành đai 4, các tuyến quốc lộ 01, 20, 51, 13C, 20B, 51C, 56, 56B.

Đến năm 2030, tỉnh Đồng Nai có 48 tuyến đường tỉnh. Các tuyến đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã thực hiện theo quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch xây dựng vùng huyện và liên huyện.

(Chi tiết tại Phụ lục V)

b) Về đường sắt

- Đường sắt kết nối vùng: Nâng cấp tuyến đường sắt Bắc – Nam; đầu tư xây mới tuyến Biên Hòa – Vũng Tàu, Hồ Chí Minh – Nha Trang; tuyến đường sắt nhẹ Thủ Thiêm – Sân bay Quốc tế Long Thành.

- Đường sắt đô thị: Giai đoạn 2025, xây dựng kéo dài tuyến Metro 1 (TP. Hồ Chí Minh) đến trung tâm hành chính mới (khu CN Biên Hòa 1). Sau năm 2030, xây dựng các tuyến đường sắt đô thị, gồm: (1) tuyến đường sắt đô thị ven sông Cái; (2) tuyến đường sắt đô thị Biên Hòa-Nhơn Trạch-Long Thành; (3) tuyến đường sắt đô thị Biên Hòa-Trảng Bom-Long Khánh, (4) tuyến đường sắt đô thị Long Khánh-Cẩm Mỹ-Long Thành.

(Chi tiết tại Phụ lục VI)

c) Về đường thủy nội địa

Hệ thống đường thủy nội địa trên địa bàn của tỉnh do Trung ương quản lý trên địa bàn tỉnh Đồng Nai gồm có 2 tuyến với tổng chiều dài là 113,8 km được cập nhật theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2021 phê duyệt Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hệ thống đường thủy nội địa do tỉnh quản lý gồm 15 tuyến với tổng chiều dài 153,95km.

(Chi tiết tại Phụ lục VII)

d) Về cảng biển, cảng cạn

- Cảng biển: Cảng biển Đồng Nai (loại I gồm các khu bến Phước An, Gò Dầu,

Phước Thái); Khu bến Nhơn Trạch; Khu bến Long Bình Tân.

- Cảng cạn: định hướng phát triển 9 khu cảng cạn đã được đưa vào dự thảo quy hoạch cảng cạn của Bộ GTVT gồm: Cảng cạn Biên Hòa, Phú Thạnh, Tam Phước, Long Thành, Trảng Bom, Phước An, Tân Vạn, Long Khánh và Cẩm Mỹ. Tổng các cảng cạn này được quy hoạch xây dựng với diện tích từ 187-238 ha, năng lực hàng hóa thông qua từ 3,4-4,3 triệu TEU; kết nối chính với cảng biển thành phố Hồ Chí Minh và Vũng Tàu.

(Chi tiết tại Phụ lục VII)

đ) Về cảng hàng không, sân bay

Phát triển Cảng hàng không Quốc tế Long thành giai đoạn 1 trước 2025 và 1 sân bay lưỡng dụng Biên Hòa (phường Tân Phong, Thành phố Biên Hòa).

(Chi tiết tại Phụ lục VIII)

2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện

Phát triển các dự án năng lượng, dự án cấp điện theo tiềm năng của địa phương; thu hút đầu tư các dự án thủy điện, điện rác, điện mặt trời phù hợp điều kiện thực tế, nhu cầu của Tỉnh và phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia.

Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công suất các trạm, tuyến đường dây, công trình điện lực 500kV, 220kV cấp quốc gia và mạng lưới điện (220kV, 110kV, phân phối trung áp) trên địa bàn tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục IX)

3. Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

Phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông hướng tới hạ tầng số đáp ứng cho nhu cầu chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh, phát triển ổn định, đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, đáp ứng phương thức sống mới, làm việc trong một môi trường số an toàn, rộng khắp. Đẩy nhanh chuyển đổi số ở các lĩnh vực: giáo dục, y tế, nông nghiệp, du lịch, giao thông, năng lượng, tài nguyên môi trường...

4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước

a) Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi

Sửa chữa, nâng cấp, phát triển các công trình thủy lợi bảo đảm năng lực tưới, cấp nước, tiêu, thoát nước cho nông nghiệp, dân sinh, các ngành kinh tế và năng lực phòng chống lũ, thiên tai.

b) Phương án phát triển mạng lưới cấp nước

- Phương án cấp nước: Tổng nhu cầu cấp nước đô thị và nông thôn đến năm 2030 khoảng 643.346 m³/ngày.đêm. Tổng nhu cầu cấp nước KCN, CCN đến năm 2030 tỉnh Đồng Nai khoảng 477.773 m³/ha.ng.đêm. Thực hiện duy trì, bảo vệ các công trình hồ chứa nước, bảo đảm năng lực cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt. Phát triển các nhà máy nước và mạng lưới truyền tải, cấp nước, bảo đảm cấp nước

đầy đủ, đảm bảo chất lượng và kịp thời cho đời sống nhân dân cả ở đô thị, nông thôn; cấp nước cho các hoạt động dịch vụ và sản xuất công nghiệp, nông nghiệp.

- Phương án thoát nước thải: Thực hiện theo các quy hoạch đô thị, nông thôn; hoàn thiện hệ thống thoát nước thải, quy hoạch khu chức năng, với các giải pháp thu gom, xử lý phù hợp với từng loại nước thải (nước thải sinh hoạt, nước thải từ sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, nước thải y tế, nước thải nguy hại).

(Chi tiết tại Phụ lục X – XI)

5. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải, nghĩa trang

Xây dựng hệ thống quản lý chất thải rắn hiện đại, phân loại rác tại nguồn, thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý triệt để bằng những công nghệ tiên tiến và phù hợp, giảm nhanh lượng chất thải phải chôn lấp. Chất thải rắn được quản lý và xử lý triệt để theo các phương thức phù hợp và chuyển đổi sang công nghệ đốt.

(Chi tiết tại Phụ lục XII)

6. Phương án phát triển phòng cháy và chữa cháy

Đến năm 2030, tỉnh Đồng Nai có 11 trụ sở, doanh trại, công trình phục vụ phòng cháy và chữa cháy thuộc Công an các huyện, thành phố và 12 trụ sở, doanh trại, công trình phục vụ phòng cháy và chữa cháy thuộc Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH tỉnh. Xây dựng và phát triển mạng lưới, mô hình hạ tầng phòng cháy (lắp đặt trụ nước chữa cháy, xây dựng bể nước dự trữ chữa cháy thiết kế và xây dựng các điểm lấy nước; phát triển hệ thống giám sát an ninh và kết nối thông tin phục vụ PCCC, v.v.).

VII. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế

Phát triển đồng đều mạng lưới các cơ sở chăm sóc sức khỏe công cộng và tư nhân tại tỉnh Đồng Nai, bao gồm các trung tâm y tế huyện, các trạm y tế xã và các bệnh viện, phòng khám tư nhân. Hoàn thành việc xây dựng và phát triển một số bệnh viện đa khoa và chuyên khoa tuyến tỉnh. Thực hiện các mô hình phòng khám vệ tinh tại các cơ sở chăm sóc sức khỏe huyện, và phát triển cơ sở và chương trình y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại.

Khuyến khích phát triển y tế ngoài công lập, đặc biệt các bệnh viện tư nhân hiện đại, chất lượng cao, các cơ sở chăm sóc sức khỏe, điều dưỡng ngoài công lập và các mô hình hoạt động không vì lợi nhuận. Đầu tư các cơ sở sản xuất thuốc, trang thiết bị y tế...; tăng cường phối hợp y tế công – tư.

(Chi tiết tại Phụ lục XIII)

2. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục

Ưu tiên phát triển mạng lưới trường công lập ở khu vực các xã miền núi, xã khó khăn; khuyến khích phát triển mạng lưới trường ngoài công lập ở các khu vực có điều kiện kinh tế xã hội phát triển; khuyến khích phát triển thêm hệ thống trường ngoài công lập ở khu vực công nghiệp, khu đông dân cư đã có hệ thống

trường công lập.

Nâng cao chất lượng cơ sở vật chất của các trường học trên địa bàn tỉnh, xây dựng mới các trường học có chất lượng cao. Hoàn thiện mạng lưới trường lớp theo hướng chuẩn hóa, phù hợp với xu hướng chuyên đổi số, phục vụ học tập suốt đời, từng bước hội nhập quốc tế. Đa dạng hoá các loại hình giáo dục đào tạo, nguồn vốn đầu tư.

(Chi tiết tại Phụ lục XIV)

3. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Xây dựng phát triển các cơ sở giáo dục – đào tạo, giáo dục nghề về cả số lượng lẫn chất lượng và cơ bản hình thành các trung tâm nghiên cứu phát triển (R&D) cho các ngành công nghiệp quan trọng ở tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục XIV)

4. Phương án phát triển thiết chế văn hóa, thể thao

Hoàn thiện các thiết chế văn hoá, thể thao cấp tỉnh; nâng cấp các thiết chế văn hoá thể thao cấp huyện, cấp xã đạt chuẩn. Đầu tư hạ tầng đảm bảo kết nối số của các thư viện cấp huyện với thư viện cấp tỉnh và hệ thống thư viện quốc gia.

Đầu tư các công trình văn hóa thể thao quy mô lớn, hiện đại (khu phức hợp thể thao, sân vận động, nhà thi đấu...) đủ điều kiện tổ chức các giải thể thao, chương trình biểu diễn văn hoá nghệ thuật, đăng cai các giải thể thao, các chương trình văn hoá cấp quốc gia và quốc tế, gắn với hoạt động du lịch và hỗ trợ du lịch.

Xây dựng các công trình cơ sở văn hoá, thể thao theo các quy hoạch đô thị, nông thôn.

(Chi tiết tại Phụ lục XV)

5. Phương án phát triển hạ tầng thương mại

a) Hệ thống chợ:

Hệ thống hạ tầng thương mại bán buôn – chợ đầu mối: Đến năm 2020, tỉnh Đồng Nai hiện có 01 chợ đầu mối. Dự kiến đến năm 2025, xây dựng và đưa vào hoạt động chợ đầu mối nông sản thực phẩm Dầu Giây giai đoạn 2. Đến năm 2030, phát triển thêm khoảng 2 chợ đầu mối.

Hệ thống bán lẻ chợ theo hạng:

- Đối với chợ thành thị: Hạn chế xây dựng mới các chợ ở nội thành. Lựa chọn để nâng cấp, cải tạo một số chợ quy mô lớn thành một số chợ trung tâm của thị trấn huyện với quy mô chợ hạng I, khang trang và hiện đại, phù hợp với quần thể kiến trúc xung quanh, cùng với các cơ sở bán lẻ hàng hóa hiện đại như siêu thị, trung tâm thương mại - trung tâm mua sắm, các cửa hàng tiện lợi hiện đại. Nâng cấp và cải tạo để hình thành các chợ bán lẻ nông sản, thực phẩm tươi sống hạng III ở các phường phục vụ nhu cầu hàng ngày của dân cư.

- Đối với chợ nông thôn: Tập trung vào việc cải tạo, di dời, xây mới để đảm bảo có đủ chợ dân sinh quy mô hạng III ở các xã, đáp ứng nhu cầu mua bán hàng

hoá hàng ngày của nhân dân; Cải tạo, nâng cấp hoặc xây mới các chợ thị trấn, thị tứ thành các chợ lớn hơn, có quy mô chợ hạng II để trở thành chợ trung tâm của huyện, hoặc của một tiểu vùng gồm nhiều xã trong huyện, làm hạt nhân của mạng lưới chợ dân sinh ở các xã;

- Đối với chợ họp không thường xuyên như chợ văn hóa - du lịch, chợ Tết, chợ đêm cần được bố trí không gian phù hợp và đảm bảo phối hợp thống nhất để quản lý tốt hoạt động của chợ.

- Quy hoạch Khu buôn bán tổng hợp tại địa phương: (Mô hình không gian chợ cơ bản kết hợp với các mô hình bán lẻ khác). Bố trí quy hoạch không gian buôn bán với các mô hình linh hoạt hơn kết hợp giữa cách thức tổ chức không gian chợ kết hợp các mô hình bán lẻ khác như cửa hàng tiện lợi, cửa hàng chuyên doanh, cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Các cửa hàng kinh doanh tổng hợp được bố trí tại các khu dân cư tập trung, thuận tiện đường giao thông, gần các khu, cụm công nghiệp, trung tâm cụm xã.

b) Hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị và hạ tầng phục vụ thương mại khác

Xây dựng trung tâm thương mại, siêu thị với quy mô hạng II, III và các cửa hàng hiện đại, kinh doanh tổng hợp (cửa hàng tiện lợi) hoặc chuyên doanh lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu phù hợp với quy mô và khả năng phát triển của địa phương, đặc biệt là các địa phương phát triển và có lợi thế so sánh lớn về khả năng đô thị hóa hoặc công nghiệp hóa cao.

Theo yêu cầu của phát triển của các ngành kinh tế công nghiệp, xây dựng 02 kho hàng hóa thương mại được xây dựng tại khu vực tập trung nhiều doanh nghiệp thương mại, trạm trung chuyển hàng hóa, là đầu mối giao thông và trung tâm sản xuất công nghiệp của tỉnh Đồng Nai. Đầu tư xây dựng và vận hành 01 Trung tâm hội chợ triển lãm tại thành phố Biên Hòa. Ngoài các trung tâm thương mại và siêu thị, đề xuất xây dựng 01 Khu phức hợp gần sân bay quốc tế Long Thành.

c) Hệ thống năng lượng, dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt

Giai đoạn 2021-2025, dự kiến xây dựng mới 20 cửa hàng xăng dầu để đáp ứng tốt hơn nhu cầu cung ứng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Cải tạo 02 kho xăng dầu và xây mới 06 kho xăng dầu.

(Chi tiết tại Phụ lục XVI)

6. Phương án phát triển cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng; cơ sở trợ giúp xã hội

Đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống hạ tầng an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh. Xây dựng các công trình cơ sở an sinh xã hội theo các quy hoạch đô thị, nông thôn. Khuyến khích thực hiện xã hội hóa, huy động sự đóng góp của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trong việc chăm sóc và cung cấp dịch vụ công tác xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội. Nhà nước khuyến khích vai trò chủ động của cơ sở trong việc tạo nguồn thu như tổ chức lao động trị liệu; tăng gia sản xuất, bảo đảm tự

cung, tự cấp rau xanh, thực phẩm tại cơ sở...

(Chi tiết tại Phụ lục XVII)

7. Phương án phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ

Đầu tư tăng quy mô cho Trung tâm Khoa học và Công nghệ (đầu tư triển khai 03 dự án, bao gồm: Dự án Xây dựng khối nhà làm việc cho Trung tâm Khoa học và Công nghệ và Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng, Dự án xây dựng Trung tâm Chiếu xạ tỉnh Đồng Nai và Dự án xây dựng Trạm Quan trắc và cảnh báo phóng xạ tỉnh Đồng Nai).

Chuyển đổi Khu công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai thành Khu công nghệ cao Đồng Nai, tập trung thu hút các dự án công nghệ cao, công nghệ thân thiện môi trường, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ sở pháp lý, cơ chế, chính sách ưu đãi để kêu gọi các đầu tư tư nhân thực hiện dự án đầu tư có hiệu quả, phát triển mạnh mẽ khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung.

Nghiên cứu thành lập Trung tâm Robot công nghiệp tỉnh Đồng Nai đẩy mạnh công tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và các hoạt động đổi mới sáng tạo, đào tạo kỹ thuật, nghiên cứu phát triển trong lĩnh vực robot công nghiệp và tự động hoá.

VIII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

Tổng diện tích tự nhiên của tỉnh: 586.362 ha, trong đó:

- Diện tích đất nông nghiệp đến năm 2030 có 436.572 ha, chiếm 74,45% tổng diện tích tự nhiên, giảm 27.223 ha so với năm 2020.

- Diện tích đất phi nông nghiệp đến năm 2030 có 149.781 ha, chiếm 25,54% tổng diện tích tự nhiên, tăng 27.223 ha so với năm 2020.

- Đến năm 2030 còn 9 ha, giữ nguyên diện tích so với hiện trạng năm 2020, phù hợp với chỉ tiêu cấp quốc gia phân bổ.

(Chi tiết tại Phụ lục XVIII)

IX. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN, VÙNG HUYỆN

1. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện

a) Vùng liên huyện phía Đông

Vùng liên huyện phía Đông (gồm các huyện Thống Nhất, Cẩm Mỹ và Xuân Lộc). Là vùng kinh tế tổng hợp phát triển công nghiệp phụ trợ; thương mại, dịch vụ; giao thương hàng hóa và kho vận; nông nghiệp công nghệ cao; du lịch sinh thái, văn hóa lịch sử; đầu mối giao thông quan trọng, cửa ngõ giao thương liên kết tỉnh Đồng Nai với vùng Đông Nam bộ, Tây Nguyên và các tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Thuận. Đây là vùng có chất lượng cuộc sống tốt, phát triển cân bằng có hệ thống đô thị, nông thôn hiện đại kết nối với cảnh quan sinh thái rừng, sông suối, nông nghiệp và có vai trò quan trọng trong chiến lược quốc phòng an ninh.

b) Vùng liên huyện phía Bắc

Vùng liên huyện phía Bắc gồm 03 đơn vị hành chính phía Bắc của huyện: Vĩnh Cửu, Định Quán, Tân Phú. Đây là vùng bảo tồn rừng, phát triển du lịch sinh thái; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

2. Phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện

Quy hoạch 11 vùng huyện đảm bảo phù hợp với mục tiêu định hướng phát triển tổng thể của tỉnh gồm: 02 thành phố (Biên Hòa và Long Khánh) và 09 huyện (Tân Phú, Định Quán, Vĩnh Cửu, Thống Nhất, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Long Thành, Nhơn Trạch).

X. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, ĐA DẠNG SINH HỌC, PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh

a) Về phân vùng môi trường

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt bao gồm các khu vực: Khu vực nội thành, nội thị thành phố Biên Hòa và thành phố Long Khánh, các đô thị loại I-III; các con sông, hồ cung cấp nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; các khu bảo tồn sinh thái VQG Cát Tiên, Khu bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai, Khu bảo tồn vùng nước nội địa Trị An-Đồng Nai, RPH; các Khu du lịch sinh thái Khu vực bảo vệ 1 của các di tích lịch sử văn hóa; các cơ sở giáo dục-đào tạo; các công viên

- Vùng hạn chế phát thải bao gồm: Vùng đệm các khu du lịch sinh thái; Thị trấn Long Thành, Thị trấn Hiệp Phước, Thị trấn Trảng Bom, Thị trấn Dầu Giây, Thị trấn Vĩnh An, Thị trấn Gia Ray, Thị trấn Tân Phú, thị trấn Định Quán, Xã Giao Long; Khu vực bảo vệ 2 của di tích lịch sử văn hóa; khu vực phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh; khu vực tập trung sản xuất nông nghiệp trọng điểm

- Vùng khác: Là các vùng không gian còn lại của tỉnh ngoài vùng bảo vệ môi trường nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải.

(Chi tiết tại Phụ lục XIX)

b) Về bảo tồn đa dạng sinh học

Tập trung bảo vệ thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học kết hợp với sử dụng bền vững, phát huy giá trị Khu Dự trữ sinh quyển Đồng Nai, Vườn Quốc gia Cát Tiên, Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai, Khu bảo tồn cảnh quan Tân Phú, Khu bảo tồn Loài và Sinh cảnh núi Chứa Chan. Thiết lập các hành lang đa dạng sinh học; bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, bảo vệ nơi cư trú tự nhiên của các loài sinh vật, đặc biệt là các loài nguy cấp, bị đe dọa được ưu tiên bảo tồn; bảo tồn, phát triển nguồn gen; đánh giá, phát huy lợi ích của đa dạng sinh học phục vụ phát triển bền vững.

c) Về quan trắc chất lượng môi trường

Đến năm 2030, có 181 điểm quan trắc môi trường nước mặt; 21 vị trí quan trắc dòng chảy; 25 vị trí quan trắc trầm tích chính; 127 điểm quan trắc môi trường nước dưới đất; 128 điểm quan trắc môi trường không khí; 97 điểm quan trắc môi trường đất.

d) Về phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp

Tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 28%, có 100% diện tích rừng có phương án quản lý rừng bền vững. Quản lý bảo vệ và phát triển bền vững rừng hiện có, nâng cao hiệu quả bảo tồn đa dạng sinh học và chức năng phòng hộ của rừng; đảm bảo an ninh môi trường.

Phát triển rừng đặc dụng, bảo tồn phát huy giá trị nguồn gen và đa dạng sinh học, đáp ứng yêu cầu duy trì cân bằng và lâm nghiệp bền vững, phát triển du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng. Duy trì nâng cao chất lượng rừng phòng hộ, phục hồi rừng phòng hộ để giảm thiểu tác hại do thiên tai, cải thiện môi trường giảm phát thải, tăng hấp thụ cacbon và quản lý bền vững tài nguyên rừng (RESS+) cung ứng dịch vụ môi trường rừng, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên

Phát triển bền vững hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản hiệu quả, tương xứng với tiềm năng khoáng sản, đáp ứng tối đa nhu cầu nguyên liệu khoáng cho nền kinh tế, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái, cảnh quan. Phát huy hiệu quả các nhà máy chế biến khoáng sản hiện có gắn với nguồn nguyên liệu ổn định, đầu tư đổi mới công nghệ nâng cao chất lượng sản phẩm.

Tiếp tục rà soát các quy hoạch về khoáng sản hiện có và khảo sát các khu vực có tiềm năng đề xuất bổ sung quy hoạch mới các mỏ đảm bảo đáp ứng nhu cầu về khoáng sản cho các dự án trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

(Chi tiết tại Phụ lục XX)

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Phương án khai thác, sử dụng tài nguyên nước

Bảo vệ môi trường nước mặt (sông, suối, hồ...) phải trên cơ sở tiếp cận quản lý tổng hợp theo lưu vực phải gắn liền với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường thủy sinh, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, khai thác và sử dụng hợp lý nguồn nước. Bảo vệ nước dưới đất lấy phòng ngừa làm chính. Phân bổ nguồn nước đảm bảo hài hòa giữa các lợi ích.

b) Phương án bảo vệ tài nguyên nước

Nghiên cứu đề xuất xây dựng mạng tự động quan trắc, giám sát khai thác sử dụng tài nguyên nước trên các tiểu vùng, các sông suối chính, các hồ khai thác sử

dụng nước và xả nước thải lớn như các hồ thủy điện, thủy lợi; các KCN; các khu đô thị... nhằm phát hiện sớm các vi phạm trong bảo vệ tài nguyên nước; các nguồn nước có nguy cơ cạn kiệt.

Phối hợp hoạt động bảo vệ môi trường nước trong toàn lưu vực hệ thống sông thông qua các hoạt động của Hội đồng lưu vực sông hay ủy ban lưu vực sông.

4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Phân vùng rủi ro thiên tai

- Lũ, ngập lụt: Các xã/thị trấn/phường nằm ven sông Đồng Nai, La Ngà và hạ lưu các hồ chứa có địa hình thấp trũng tại khắp các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh

- Sạt lở đất, sạt lở bờ sông: Một số xã/thị trấn/phường tại huyện Tân Phú, Định Quán, Vĩnh Cửu, Nhơn Trạch, Trảng Bom và TP. Biên Hòa

- Ngập do triều cường: Một số xã/thị trấn/phường tại phía Nam tỉnh Đồng Nai thuộc các huyện Long Thành, Nhơn Trạch và TP. Biên Hòa

- Hạn hán, xâm nhập mặn: Một số xã/thị trấn/phường tại huyện Tân Phú, Xuân Lộc, Định Quán, Nhơn Trạch, Cẩm Mỹ, Long Thành

- Lốc sét, mưa đá, bão: Toàn tỉnh

b) Phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

Chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm tổn thất về người, tài sản của nhân dân và nhà nước; từng bước góp phần xây dựng quốc gia có khả năng quản lý rủi ro thiên tai; cộng đồng, xã hội an toàn trước thiên tai; tạo điều kiện phát triển bền vững kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng.

(Chi tiết tại Phụ lục XXI)

XI. DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN

(Chi tiết tại Phụ lục XXII)

XII. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

Ngoài danh mục các dự án ưu tiên đầu tư, Quy hoạch tỉnh đề xuất tổ chức đồng bộ 5 nhóm giải pháp sau:

1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

Căn cứ vào phương án tăng trưởng theo kịch bản kỳ vọng, dự báo nhu cầu vốn đầu tư của tỉnh lũy kế đến năm 2030 theo giá hiện hành khoảng 1.003.700 tỷ đồng (tương đương khoảng 41 tỷ USD). Trong đó:

- Giai đoạn 2021-2025 cần khoảng 478.200 tỷ đồng, giai đoạn 2026-2030 cần khoảng 525.500 tỷ đồng;

- Tỷ lệ vốn đầu tư công đạt khoảng 20%; vốn đầu tư ngoài ngân sách đạt 80% (trong đó, dự kiến vốn ngoài nhà nước đạt 42% và vốn FDI đạt 58%).

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Tiếp tục đẩy mạnh việc sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế, thực hiện quản lý, sử dụng, theo dõi, đánh giá, khen thưởng theo Đề án vị trí việc làm và Hợp đồng lao động, quy định rõ trách nhiệm của từng tập thể, cá nhân. Xây dựng chính quyền kiến tạo. Khuyến khích, bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung.

- Tăng cường công tác thông tin, dự báo về cung - cầu lao động. Quan tâm thực hiện tốt công tác đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho người lao động.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở đào tạo hợp tác với doanh nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp tham gia thiết kế chương trình, nội dung đào tạo và trực tiếp đào tạo, sử dụng nhân lực. Thực hiện đào tạo theo nhu cầu xã hội.

- Phát triển thị trường lao động phát huy hiệu quả lợi thế so sánh. Tổ chức các sự kiện cho người tìm kiếm việc làm như hội chợ việc làm, lễ tốt nghiệp ở trường đại học... để thu hút nhân tài.

- Thu hút các cơ sở giáo dục tư thục có chất lượng cao; Tổ chức các khóa đào tạo hoặc hình thành các trường học theo cơ chế hợp tác giữa nhà nước và tư nhân; Tổ chức các khóa học ngắn hạn.

- Thu hút lực lượng lao động từ ngoài tỉnh để đáp ứng nhu cầu, nhất là các ngành dịch vụ vận tải, logistics, thương mại du lịch...

- Xây dựng tổ hợp giáo dục đào tạo tỉnh Đồng Nai đặt trong khu kinh tế sân bay Long Thành để tận dụng khả năng kết nối tốt, và không quá xa các KCN đang trong quy hoạch để đón đầu nhu cầu về nguồn lao động.

3. Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ

a) Giải pháp về khoa học – công nghệ

Nghiên cứu khoa học và áp dụng công nghệ để thúc đẩy phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh tại Đồng Nai, tăng cường quảng bá văn hóa và hình ảnh địa phương, hỗ trợ và phát triển thương hiệu du lịch thông qua chuyển đổi số.

Khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng công nghệ xanh, sạch, năng lượng tái tạo trong hoạt động kinh doanh du lịch.

Phát triển sản phẩm du lịch thực tế ảo: Lựa chọn các điểm đến nổi bật để ưu tiên xây dựng sản phẩm du lịch thực tế ảo với công nghệ 3D/4D... để tăng sự trải nghiệm của khách du lịch tại các điểm đến và trong hoạt động truyền thông.

Tăng cường hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt, đẩy mạnh thanh toán điện tử trong lĩnh vực chính phủ và dịch vụ công, quản lý hệ thống thanh toán kinh tế, đảm bảo an toàn, áp dụng tiêu chuẩn quốc tế

Chú trọng phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ và phát triển nguồn nhân lực của ngành Ngân hàng; Nâng cấp, phát triển hạ tầng thanh toán hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả và có khả năng kết nối, tích hợp với các hệ thống khác.

Phát triển dịch vụ thanh toán 4.0, cải tiến sản phẩm và dịch vụ ngân hàng,

đảm bảo tiếp cận dễ dàng và an toàn cho người tiêu dùng trong thanh toán không dùng tiền mặt

b) Giải pháp bảo vệ môi trường

Phát huy trách nhiệm của các cấp, ngành, địa phương và tổ chức, cá nhân được giao quản lý tài nguyên du lịch, đảm bảo tuân thủ và khai thác hợp lý, tránh việc khai thác quá mức gây suy giảm hoặc xuống cấp tài nguyên.

Triển khai chương trình giáo dục cộng đồng và tuyên truyền để nâng cao nhận thức về ứng xử văn minh trong du lịch, bảo vệ truyền thống văn hóa và môi trường, và tổ chức hoạt động bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên.

Nâng cao năng lực kiểm soát ô nhiễm, đảm bảo ngăn chặn, giảm thiểu và xử lý hiệu quả các nguồn gây ô nhiễm từ hoạt động du lịch.

Khuyến khích cơ sở du lịch thực hiện biện pháp giảm thiểu tác động khí hậu: thay thế thiết bị làm lạnh khí CFC, giảm khí thải CO₂ từ phương tiện vận chuyển, quản lý chất thải và năng lượng hiệu quả, sử dụng nguồn năng lượng xanh, trồng cây, và phát triển sản phẩm du lịch thân thiện với môi trường; tăng cường năng lực quản lý sức chứa” đối với các khu điểm du lịch tự nhiên...

4. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

- Tăng cường hợp tác, liên doanh, liên kết với các tỉnh, thành phố khác trên cơ sở phát huy thế mạnh đặc thù của nhau để cùng phát triển, hai bên cùng có lợi trên một số lĩnh vực như phát triển hạ tầng kết nối (giao thông) các dịch vụ du lịch, chăm sóc sức khỏe,...

- Liên kết trên các lĩnh vực chủ yếu sau: Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; Xúc tiến thương mại và đầu tư; Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; Xây dựng các chương trình, tuyến du lịch liên tỉnh, liên vùng; Phát triển nhân lực, bao gồm đào tạo và sử dụng lao động; Phát triển ngành y tế, khám chữa bệnh và nghiên cứu y học; Phát triển công nghiệp (cung cấp nguyên liệu, xây dựng các khu, cụm công nghiệp...); Cung cấp thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu kinh tế - xã hội cho vùng phục vụ cho công tác dự báo, thu hút đầu tư và phối hợp phát triển; Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững...

5. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

Xây dựng hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ quản lý không gian các hoạt động kinh tế - xã hội và đô thị - nông thôn.

Thực hiện việc quản lý nhà nước hiệu quả về quy hoạch, phân bổ và sử dụng tài nguyên đất thông qua: (i) tích hợp các phương án bố trí không gian của các hoạt động kinh tế - xã hội (ngành, lĩnh vực) với các kế hoạch sử dụng đất trong một bản quy hoạch cấp tỉnh duy nhất; (ii) quản lý đất đai minh bạch theo quy định pháp luật; (iii) quản lý đất đai hiệu quả bằng cách loại bỏ các rào cản hành chính và áp dụng các nguyên tắc kinh tế thị trường trong việc sử dụng, phân bổ và chuyển nhượng đất.

6. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

- Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính
- Thường xuyên cập nhật, cụ thể hoá các nội dung quy hoạch
- Tăng cường phối hợp thực hiện
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện
- Phổ biến và vận động nhân dân tham gia thực hiện. Công khai cho dân biết các khu vực quy hoạch bố trí không gian các hoạt động kinh tế - xã hội (kết cấu hạ tầng, các vùng sản xuất công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp...); Công khai các ngành, lĩnh vực, lãnh thổ được ưu tiên khuyến khích phát triển.

Cụ thể hoá các nội dung quy hoạch vào các chương trình nghị sự, chương trình làm việc của các cấp ủy, chính quyền cơ sở.

XIII. SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Danh mục sơ đồ, bản đồ Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 chi tiết tại Phụ lục XXIII.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X Kỳ họp thứ thông qua ngày ... tháng năm 2023 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A + B);
- Văn phòng Chính phủ (A + B);
- Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra VB. QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể;

CHỦ TỊCH

Thái Bảo

- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, P.TH.